

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HIẾU VINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HIẾU VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400739913

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 29/07/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Thôn Đường Nội, Xã An Lạc, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 01675 776 411

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chăn nuôi ngựa, lừa, la                                                                  | 0142        |
| 2.  | Chăn nuôi dê, cừu                                                                        | 0144        |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                    | 4100        |
| 4.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                    | 2392        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                               | 2391        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                  | 4663        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                        | 4312        |
| 8.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 9.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                        | 0146        |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                           | 4933(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4290        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                             | 0161        |
| 13. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                            | 0164        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                            | 2393        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                   | 4653        |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                         | 5610        |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                              | 5210        |
| 18. | Bốc xếp hàng hóa<br>( Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không )                             | 5224        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                              | 0162        |
| 20. | Khai thác cát, sỏi                                                                       | 08102       |
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 22. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                       | 2394        |

|     |                                                                    |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 23. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                      | 2396                                                                |
| 24. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)         | 46209                                                               |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530                                                                |
| 26. | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                        | 0210                                                                |
| 27. | Chăn nuôi lợn                                                      | 0145                                                                |
| 28. | Phá dỡ                                                             | 4311                                                                |
| 29. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                     | 1610                                                                |
| 30. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                  | 1621                                                                |
| 31. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                            | 1623                                                                |
| 32. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                    | 0163                                                                |
| 33. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                | 5022                                                                |
| 34. | Khai thác đá                                                       | 08101                                                               |
| 35. | Khai thác đất sét                                                  | 08103                                                               |
| 36. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao           | 2395                                                                |
| 37. | Chăn nuôi trâu, bò                                                 | 0141                                                                |
| 38. |                                                                    | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ(%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | TRẦN VĂN QUANG | D7 - Cụm 5, Tổ 26, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | 4.500.000.000   | 50,00    | 011064807                                                                                                             |
| 2   | ĐỖ XUÂN HIỀN   | Khu 2, Thị trấn An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                    | 4.500.000.000   | 50,00    | 120359085                                                                                                             |

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: ĐỖ XUÂN HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 28/02/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 120359085

Ngày cấp: 21/09/2006

Nơi cấp: Công an Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 2, Thị trấn An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đường Nội, Xã An Lạc, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**10. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang